

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## VỀ LỚP TỪ HÁN VIỆT TRONG TIẾNG VIỆT HIỆN NAY TRỊNH ĐỨC THÀNH\*

**TÓM TẮT:** Từ Hán Việt là một bộ phận chiếm số lượng lớn và có vai trò quan trọng trong tiếng Việt. Tuy nhiên việc sử dụng không chính xác các từ này vẫn còn khá phổ biến. Trong bài viết này tác giả nêu một số ý kiến về lớp từ Hán Việt và việc giảng dạy chúng trong nhà trường hiện nay.

**TỪ KHÓA:** Từ Hán Việt; lỗi sử dụng từ Hán Việt; giảng dạy từ Hán Việt; nguyên nhân; học sinh.

**NHẬN BÀI:** 10/05/2023.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 26/06/2023

### 1. Đặt vấn đề

Trước hiện trạng có nhiều người không hiểu, sử dụng sai hoặc lạm dụng từ Hán Việt, nhiều nhà giáo, nhà khoa học đã không ít lần thể hiện sự quan tâm, lo lắng trên các diễn đàn ngôn ngữ học. Để tìm giải pháp cho vấn đề trên, mới đây đã diễn ra cuộc tranh luận khá sôi nổi về việc dạy chữ Hán và từ Hán Việt. Các tác giả đưa ra nhiều ý kiến, trong đó có luồng ý kiến rất mạnh mẽ đề nghị khôi phục lại việc dạy tiếng Hán cho học sinh trong nhà trường. Ngay sau đó đã có nhiều ý kiến phản biện trái chiều, không đồng tình với quan điểm nêu trên, cho rằng không nên dạy đại trà chữ Hán vì sẽ tạo thêm gánh nặng cho học sinh; ngay cả đối với người Trung Quốc còn khó học chữ Hán thì dạy cho học sinh Việt Nam để làm gì trong khi còn có nhiều môn học cần thiết hơn.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin có một số ý kiến nhỏ xung quanh vấn đề từ Hán Việt, đồng thời thử tìm hiểu nguyên nhân vì sao vấn đề dạy học chữ Hán cho học sinh, sinh viên hiện nay lại khó được chấp nhận.

### 2. Khái quát về từ Hán Việt

Từ Hán Việt dùng để gọi chung các từ (và đơn vị dưới từ, tức là đơn vị cấu tạo từ) được mượn nguyên khối từ tiếng Hán hoặc do người Việt tạo ra (bằng các yếu tố Hán Việt). Từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của tiếng Việt, có vai trò quan trọng và không thể tách rời hay xóa bỏ khỏi tiếng Việt.

Chữ Hán được phổ biến rộng rãi từ sự giao lưu trên nhiều bình diện giữa các dân tộc ở Trung Quốc và các nước Đông Á, Đông Nam Á như Triều Tiên, Nhật Bản... Việt Nam cũng ở trong bối cảnh đó. Trước khi có chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, từ thế kỉ XIX trở về trước, chữ Hán là văn tự chính thức của nước ta. Đây là điều kiện thuận lợi cho các từ Hán nhập vào tiếng Việt.

Dựa vào thời điểm hình thành trong tiếng Việt, các nhà ngôn ngữ học chia từ Hán Việt làm 3 loại: từ Hán Việt cổ; từ Hán Việt và từ Hán Việt Việt hóa<sup>1</sup>.

- *Từ Hán Việt cổ* là những từ gốc Hán được du nhập vào tiếng Việt trong giai đoạn trước thời kì nhà Đường (trước thế kỉ VII). Vì đi vào tiếng Việt đã lâu và được vay mượn theo yêu cầu bổ sung những từ ngữ chưa có trong tiếng Việt, những từ ấy đã được đồng hoá rất mạnh, nhất là về mặt sử dụng. Những từ này hiện nay nói chung không còn xa lạ đối với người Việt, ví dụ: *chè, ngà, chén, chêm, chìm, buồng, buồn, buồm, mùi, mùa...*

- *Từ Hán Việt* là những từ gốc Hán du nhập vào tiếng Việt trong giai đoạn thứ hai (từ thế kỉ VII trở về sau), khi người Việt học tiếng Hán theo âm chuẩn đời Đường (âm Trường An) và chuyển cách đọc theo hệ thống ngữ âm của mình. Cách đọc ấy gọi là *cách đọc Hán Việt* và được duy trì (với những biến đổi ít nhiều) cho đến ngày nay. Ví dụ: *trà, mã, trọng, khinh, vượng, cận, nam, nữ...*

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: thanhducspn1@gmail.com

- Nhóm từ gốc Hán còn có một bộ phận từ Hán Việt lại được tiếp tục Việt hoá lần thứ hai về mặt ngữ âm. Cả hai dạng đọc cùng song song tồn tại trong tiếng Việt hiện nay. Do vậy, bên cạnh cách đọc được gọi là *cách đọc Hán Việt*, còn một cách đọc khác nữa được gọi là *cách đọc Hán Việt Việt hoá*. Ví dụ: *gang (cang), dao (đao)*.

Như vậy, từ Hán Việt là những từ gốc Hán mà những yếu tố hình thành nên chúng có cách đọc theo âm Hán Việt. Ngoài ra, trong lớp từ gốc Hán này còn bao gồm cả những từ vốn do người Hán mượn của ngôn ngữ khác, rồi người Việt vay mượn lại và đọc theo âm Hán Việt. Chẳng hạn, những từ có nguồn gốc Nhật Bản như: *trường hợp, nghĩa vụ, cộng hoà...*; những từ có nguồn gốc từ tiếng Phạn (Sanskrit) như: *Phật, Niết Bàn, Di Lặc...*; những từ gốc Ấn-Âu như: *câu lạc bộ, Anh Cát Lợi, Mạc Tư Khoa...*; thậm chí, đó là những từ do người Việt sử dụng yếu tố gốc Hán tạo ra như: *y sĩ, đặc công, thể công...* Trong số những từ gốc Hán, còn có một nhóm được du nhập vào tiếng Việt thông qua con đường khẩu ngữ của những người nói phương ngữ tiếng Hán mà chủ yếu là tiếng Hán ở phương Nam. Ví dụ: *xì dầu, mi chính, vắn thẩn, xá xiu, súi cáo*.

Mặc dù có thời điểm hình thành khác nhau song từ Hán Việt cổ và từ Hán Việt Việt hoá đều hoà nhập rất sâu vào trong tiếng Việt, rất khó phát hiện ra chúng là từ Hán Việt, hầu hết người Việt coi từ Hán Việt cổ và từ Hán Việt Việt hoá là từ thuần Việt, không phải từ Hán Việt.

### 3. Vị trí của từ Hán Việt trong tiếng Việt

Trong quá trình phát triển hàng ngàn năm lịch sử, tiếng Việt cũng vay mượn từ vựng của nhiều thứ tiếng nhưng nhiều nhất là tiếng Hán. Việc tiếng Việt vay mượn những từ tiếng Hán và sau đó trở thành lớp từ Hán Việt là rất đặc biệt:

*Thứ nhất*, số lượng từ mượn này chiếm tỉ lệ rất cao trong tiếng Việt. Theo nhiều tài liệu, từ Hán Việt chiếm khoảng 60-80%. Vì thế, từ Hán Việt không những góp phần quan trọng để làm giàu đẹp thêm tiếng Việt mà còn phát triển văn hóa văn minh, khoa học kĩ thuật,... Ngay cả trong giao tiếp hàng ngày người Việt, cũng sử dụng nhiều từ mượn của tiếng Hán mà người Việt dùng đã lâu nên cho rằng đó là từ thuần Việt. Trong khoa học, học thuật thì từ Hán Việt có vai trò cực kì quan trọng để hình thành hệ thống thuật ngữ. Chẳng hạn trong lĩnh vực hành chính người ta đã thống kê có đến 80-85% số lượng từ Hán Việt. Trong lời dẫn cho cuốn “Danh từ khoa học” của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn xuất bản năm 1942 nói rất rõ những nguyên tắc, phương pháp đặt tên cho thuật ngữ khoa học. Giáo sư đưa ra một trong những phương pháp đó là nên dùng “tiếng thông thường”,<sup>2</sup> nhưng không phải “tiếng thông thường” nào cũng đảm bảo đủ điều kiện đặt tên một thuật ngữ. Hơn nữa “tiếng thông thường” không đủ số lượng để đặt tên các thuật ngữ. Phương pháp này và phương pháp phiên âm tiếng nước ngoài khi thấy tiện lợi thì dùng chứ không là phương pháp thông dụng. Theo Giáo sư chỉ có phương pháp dùng “từ gốc Nho” để xây dựng thuật ngữ khoa học là đảm bảo thỏa mãn các điều kiện để đặt tên cho một danh từ khoa học.

*Thứ hai*, từ Hán Việt mặt khác cũng làm người ta thấy khá rắc rối, lúng túng khi sử dụng. Nhất là những từ Hán Việt và những từ thuần Việt cùng nghĩa và cùng tồn tại song song trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, khiến cho người Việt khá khó khăn, lúng túng trong việc lựa chọn sử dụng cho đúng tình huống ngữ cảnh, sắc thái ngữ nghĩa. Ví dụ, các cặp từ: *thiên - trời; địa - đất; cư - cất; tồn - còn; tử - con; tôn - cháu; lục - sáu; tam - ba; gia - nhà; quốc - nước...* Đây là một số từ đầu tiên trong sách “Tam thiên tự” mà người xưa soạn dưới dạng văn vần để cho người Việt dễ nhớ. Những từ đơn có thể học thuộc lòng cho dễ nhớ được, còn những từ ghép thì rất khó. Có thể nói rằng, những khó khăn, bất cập này đã diễn ra kéo dài cả hàng ngàn năm lịch sử, ngay từ khi từ ngữ gốc Hán bắt đầu được thâm nhập vào tiếng Việt cho đến ngày nay. Trong đời sống hàng ngày dân ta có hai khái niệm, hai cách dùng ngôn ngữ đó là “nói nôm na” và “nói chữ”. “Nói nôm na” được hiểu là cách nói

mộc mạc của người không biết chữ Hán, còn “nói chữ” là sinh dùng từ ngữ kiểu cách, thường là những từ gốc Hán. Đã có rất nhiều giai thoại, những mẩu chuyện xung quanh hai cách nói này. Trong dân gian phổ biến khá nhiều câu chuyện hài hước chê cười những người “đốt hay nói chữ” và đồng thời cũng có nhiều câu chuyện chê cười cách nói nôm na, mộc mạc đến mức thô kệch, quê mùa. Chúng tôi chưa cắt nghĩa được lí do vì sao, từ bao giờ mà người Việt có tâm lí cảm thấy khi dùng từ Hán Việt thì trang trọng, văn hoa, khoa học, có văn hóa hơn. Bản thân những từ này trong tiếng Hán không có những sắc thái ngữ nghĩa đó. Người Việt luôn phải cân nhắc lựa chọn một trong hai cách nói này cho phù hợp với tình huống, ngữ cảnh cụ thể.

*Thứ ba*, cách mà tiếng Việt “mượn” số lượng rất lớn từ vựng tiếng Hán rồi trở thành lớp từ Hán Việt cũng rất đặc biệt. Ông cha ta đã dùng chữ Hán nhưng tạo ra một âm đọc tiếng Việt. Tiếp đó, là cuộc thay đổi từ chữ Hán sang chữ Nôm ngay đầu thời kì độc lập khỏi Bắc thuộc. Mặc dù chữ Nôm được tạo ra dựa trên chữ Hán nhưng đó là một thành tựu tuyệt vời của nhân dân ta. Cuối cùng, tiếng Việt đã sử dụng chữ Quốc ngữ làm văn tự chính thức. Vì thế, việc dạy học chữ Hán chỉ có thể tiến hành ở một bộ phận nhỏ mang tính đào tạo chuyên gia hoặc đáp ứng nhu cầu cá nhân.

#### **4. LỖI SAI PHỔ BIẾN TRONG VIỆC SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC**

##### **4.1. Lỗi sai**

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, lớp từ Hán Việt là lớp từ mượn rất đặc biệt nên người Việt dễ mắc lỗi sai khi sử dụng. Có nhiều loại lỗi sử dụng sai. Theo thống kê của các nhà khoa học thì có những lỗi sai phổ biến sau: sai vì không hiểu gốc Hán Việt; sai vì không phân biệt được từ Hán Việt và từ thuần Việt; sai vì cố ý sửa gốc của từ; sai vì dùng thừa từ, lặp từ; sai vì hiểu sai nên viết sai; sai vì không hiểu văn phạm kết hợp các yếu tố gốc Hán và yếu tố thuần Việt; sai vì dùng từ thiếu chính xác, không đúng với ngữ cảnh; sai vì lạm dụng từ Hán Việt... Tuy nhiên, số lượng từ Hán Việt thông dụng bị sử dụng sai có tỉ lệ không lớn trong tiếng Việt.

Tuy nhiên khái niệm “sai-đúng” cũng cần phải bàn thêm. Chẳng hạn, khi xem xét tới tính sai, đúng của việc dùng từ Hán Việt có tác giả thường đối chiếu với từ nguyên. Đây là việc làm có phần cứng nhắc, dẫn đến việc làm mất đi tính năng động của từ Hán Việt với tư cách là một sự sáng tạo rất linh hoạt của người Việt Nam. Trên thực tế, các từ tiếng Hán khi du nhập vào tiếng Việt hầu hết đã bị biến đổi do áp lực của cấu trúc tiếng Việt. Có nghĩa là, sau một thời gian, bản chất Hán của các từ này đã bị tiếng Việt đồng hóa để không còn cái vẻ nguyên dạng ban đầu của nó. Hoặc là nó bị biến đổi về ngữ âm, hoặc là nó bị biến đổi về ngữ nghĩa theo cách tri nhận mới của người Việt Nam qua cái vỏ âm thanh ban đầu. Ví dụ: từ “phương phi” gốc tiếng Hán là “thơm tho đẹp đẽ” (nói về hoa cỏ cây cối) nhưng người Việt lại dùng với nghĩa “bé tốt”; từ “đáo đẽ” trong tiếng Hán có nghĩa là “đến đấy”, nhưng khi đi vào tiếng Việt nó lại có nghĩa là cách cư xử không đẹp, khiến người ta khó gần; hoặc có khi nó được dùng làm tiếng đệm nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của tính từ, trạng từ giống như các từ chỉ mức độ “vô cùng”, “rất”, “lắm”. Ví dụ, trong “Nó viết hay đáo đẽ!”, thì “đáo đẽ” với tư cách là từ Hán Việt đã khác hoàn toàn với nghĩa từ nguyên của nó. Tương tự có nhiều từ xét trên góc độ từ nguyên học là sai nhưng về mặt sử dụng thì có thể chấp nhận được. Cùng với thời gian chắc chắn một số từ bị cho là dùng sai ngày hôm nay sẽ đúng trong tương lai vì từ Hán Việt được mượn từ tiếng Hán nhưng đã là của người Việt, chúng mang vỏ âm thanh và hoạt động theo văn phạm, tri giác ngôn ngữ của người Việt.

##### **4.2. Về giải pháp khắc phục: thảo luận**

###### **4.2.1. Về giải pháp “dạy đại trà chữ Hán trong nhà trường”**

Để dạy một môn học trong nhà trường chúng ta cần tính đến nhiều yếu tố như: chương trình, giáo trình, đội ngũ giáo viên, nhu cầu của xã hội... Như trên vừa nêu, số lượng từ Hán Việt thường bị sử

dụng sai chiếm tỉ lệ không nhiều (và cũng chưa chắc đã “sai” do chúng đã thay đổi theo cách dùng của tiếng Việt) nên không cần mất thời gian, tốn kém tiền bạc để dạy một môn học khó như vậy. Hơn nữa, việc sử dụng sai từ Hán Việt hiện nay không phải vì người ta không biết chữ Hán. Có rất nhiều người không hề biết chữ Hán nhưng sử dụng thành thạo, nhuần nhuyễn lớp từ này. Mục đích dạy chữ Hán nếu chỉ là để học sinh hiểu tường tận nghĩa gốc/ nghĩa từ nguyên của từ, mà không xem xét đến sự Việt hóa của chúng thì rất sai lầm. Còn dạy chữ Hán để học sinh có thể đọc được tư liệu cổ của người xưa thì theo chúng tôi là rất khó, nên để dành cho việc đào tạo số ít chuyên gia.

#### 4.2.2. Về giải pháp dạy từ Hán Việt trong chương trình phổ thông

Hiện nay từ Hán Việt đã được đưa vào giảng dạy ngay từ cấp Tiểu học. Chúng tôi hoàn toàn tán thành, ủng hộ biện pháp này. Đây là chủ trương rất đúng đắn vì hiện thời trẻ em không chỉ tiếp xúc với ngôn ngữ trong nhà trường, trong sách vở mà còn qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình, internet... Tiếng Việt là môn học nền tảng cốt lõi hàng đầu, có vai trò quan trọng để học sinh giao tiếp, tiếp thu tri thức, học tập các môn học khác cho nên cần hoàn thiện cho các em kĩ năng tiếng Việt trong đó có bộ phận từ Hán Việt càng sớm càng tốt. Chúng tôi chỉ có một góp ý là việc dạy học từ Hán Việt hiện nay mới chỉ có trong giờ học tiếng Việt, trong khi ở các môn học khác có nhiều thuật ngữ là từ Hán Việt rất khó hiểu đối với học sinh. Ví dụ: Ngay trong sách Toán lớp 2 học sinh đã phải học các từ như: *phạm vi, hình tam giác, hình tứ giác*; sách Toán lớp 3: *biểu thức, tính giá trị của biểu thức, thập phân, trung điểm, thống kê, số liệu*; sách Toán lớp 4: *biểu đồ, tính chất, giao hoán, phân số, tử số, mẫu số, quy đồng, tỉ số, tỉ lệ, đại lượng*... Vì vậy chúng ta nên dạy từ Hán Việt không chỉ ở môn tiếng Việt mà còn cả trong các môn học khác trong nhà trường.

### 5. Kết luận

Từ Hán Việt là một bộ phận có số lượng lớn và phức tạp trong tiếng Việt, có tác động, ảnh hưởng tới hoạt động giao tiếp thường ngày của mọi người nên từ lâu đã được xã hội và các nhà khoa học quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu. Do có những yếu tố lịch sử rất tinh tế nên khi nghiên cứu và đưa ra những giải pháp cụ thể cần lưu ý tránh gây ra những suy diễn trái chiều, bức xúc trong xã hội.

Tiếng Việt nói chung và bộ phận từ Hán Việt nói riêng là vốn quý, là tài sản vô giá của tổ tiên để lại nên mỗi người cần có trách nhiệm giữ gìn, phát triển nó ngày càng giàu đẹp, trong sáng hơn. Lớp từ vựng Hán Việt là thành quả của sự sáng tạo tuyệt vời của người Việt. Mặc dù từ Hán Việt có nguồn gốc của tiếng Hán nhưng đã được người Việt sử dụng theo những quy tắc ngôn ngữ của tiếng Việt thì nó đích thực là của tiếng Việt. Lớp từ này đóng vai trò vô cùng quan trọng trong giao tiếp, đặc biệt trong các lĩnh vực quan trọng của đời sống: chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật... Nhà trường Việt Nam cần phải có những phương pháp giảng dạy sao cho học sinh, sinh viên hiểu và sử dụng tốt mảng từ vựng này.

Từ Hán Việt chiếm tỉ lệ rất lớn trong hệ thống các thuật ngữ khoa học của tiếng Việt. Theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, chỉ có dùng “từ gốc Nho” mới thỏa mãn các điều kiện để đặt tên một danh từ khoa học, tuy nhiên, ông vẫn khuyến khích phương pháp dùng từ thông thường, khi nào thấy dùng được thì dùng để đặt tên cho danh từ khoa học. Theo ý tưởng của Giáo sư chúng tôi cũng có một ước mơ “giá như chúng ta có hệ thống các thuật ngữ khoa học bằng tiếng thông thường” bởi vì dù sao người ta tri nhận các từ, ví dụ như “xe lửa” “máy bay” “tàu ngầm”, vẫn dễ hơn những từ tương ứng “hỏa xa” “phi cơ” “tiềm thủy đình”.

<sup>1</sup> Việc phân loại này còn bắt cập ở tên gọi: trong từ Hán Việt lại có một loại từ Hán Việt. Chúng tôi sử dụng cách gọi này vì nhiều tài liệu hiện hành sử dụng cách gọi như vậy. Ở đây khi nói tới loại từ

Hán Việt (một trong ba loại) là những từ Hán Việt có từ thời nhà Đường đến khi nước ta giành được độc lập.

<sup>2</sup> Một cách gọi từ thuần Việt.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*. Nxb Trẻ, Hà Nội.
2. Trần Trí Dõi (2011), "Khái niệm từ thuần Việt và từ ngoại lai từ góc nhìn của lịch sử tiếng Việt hiện nay", Tạp chí *Ngôn ngữ*, Số 11.
3. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.230-237.
4. Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi (2017), "Về khái niệm "từ vị thuần Việt" và "từ vị vay mượn" trong tiếng Việt hiện đại từ quan điểm bản thể và nhận thức", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 9.
5. Nguyễn Như Ý (1997), *Từ điển giải thích Thuật ngữ ngôn ngữ học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Nhóm tác giả Phạm Hùng Việt, Lê Xuân Thái, Lý Toàn Thắng, Nguyễn Hoàng Anh, Trịnh Thị Hà, Nguyễn Thị Tân, Nguyễn Thị Huyền, Dương Thị Thu Trà (2018), *Từ ngữ Hán Việt: Tiếp nhận và sáng tạo*. Nxb Khoa học xã hội.

#### NGŨ LIỆU

Nguồn:

<https://vnexpress.net/tre-lop-4-khong-hieu-tu-so-mau-so-quy-dong-la-gi-4240886.html>

<https://giaoducthoidai.vn/loi-dung-tu-han-viet-post386432.html>

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Từ\\_Hán\\_Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Từ_Hán_Việt)

<https://vietnamnet.vn/day-chu-han-thay-tieng-anh-vi-nhung-le-sau-324496.html>

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Chữ\\_khoa\\_đầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chữ_khoa_đầu)

#### About the Sino Vietnamese words in the Vietnamese language

**Abstract:** Sino Vietnamese words are a large and important part of Vietnamese language. However, misuse of these words is still quite common. In this article, the author gives some ideas about Sino Vietnamese words and the teaching these words in schools today.

**Key words:** Sino Vietnamese words; misuse of Sino Vietnamese words; teaching Sino Vietnamese words; reason; pupil.